

Vườn Quốc gia Bến En

Tên khác:

Không

Tỉnh:

Thanh Hoá

Diện tích:

16.634 ha

Toa độ:

19°31' - 19°40'N, 105°23' - 105°35'E

Vùng sinh thái nông nghiệp:

Bắc Trung bộ

Có quyết định của Chính phủ:

Có

Đã thành lập Ban quản lý:

Có

Đã được xây dựng kế hoạch đầu tư:

Có

Đáp ứng các tiêu chí của VCF:

A, B, C

Đáp ứng các tiêu chí xã hội:

Không

Báo cáo đánh giá nhu cầu bảo tồn:

Không

Kế hoạch quản lý:

Không

Đánh giá công cụ theo dõi

Không

Bản đồ vùng:

Không

Lịch sử hình thành

Năm 1979, công trình xây dựng đập sông Mực được hoàn thành tạo nên quang cảnh hồ nhân tạo, khu hệ động thực vật xung quanh hồ sau đó được quan tâm bảo vệ. Năm 1986, khu vực này được thiết kế thành lập khu bảo tồn thiên nhiên với tên gọi là Bến En có diện tích 12.000 ha (Bộ NN&PTNT, 1997). Theo Quyết định số 194/CT ngày 09/08/1986 của Thủ tướng Chính phủ, mục đích thành lập khu bảo tồn để bảo vệ "Voi hoang dã, Nai và rừng đầu nguồn sông Mực" (Cao Văn Sung, 1995). Tuy nhiên mãi đến năm 1992, khu vực mới thực sự được quản lý bảo vệ khi VQG Bến En chính thức thành lập và luận chứng kinh tế kỹ thuật được phê duyệt theo Quyết định số 33/CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ Trưởng ngày 27/01/1992 với diện tích 16,634 ha và vùng đệm gần 30.000 ha. Trước năm 1992, Bến En trực thuộc hai Lâm trường Sông Chanh và Như Xuân (Ban quản lý VQG Bến En, 2003).

Hiện nay, diện tích của hai xã Bình Lương và Xuân Thái (1295 ha) nằm trong VQG Bến En đã được chuyển thành vùng đệm chuyển giao cho UBND Tỉnh Thanh Hoá quản lý theo công văn số 99/CP-NN của Thủ tướng Chính phủ ngày 22/01/2002. Sau khi chuyển giao, diện tích VQG Bến En còn lại 15.339 ha, diện tích vùng đệm tăng lên 31.054 ha (Ban quản lý VQG Bến En, 2003).

Năm 1995 đã có đề xuất mở rộng phạm vi VQG tới khu vực giáp ranh với Tỉnh Nghệ An, khi đó Diện tích của VQG sẽ tăng lên 38.153 ha (Anon, 1995). Bản đề

xuất đã được UBND Tỉnh Thanh Hoá trình Bộ Lâm Nghiệp cũ phê duyệt ngày 19/06/1995 (Ha Dinh Duc *et al.* 2000). Ngoài ra còn có một số đề xuất đã được đề cập trong "Kế hoạch hành động Đa dạng sinh học Việt Nam" mở rộng VQG Bến En lên 50.000 ha (Chính phủ, 1994). Hiện tại chưa có bất kỳ đề xuất nào nêu trên được Bộ NN&PTNT phê duyệt.

Bến En có trong danh lục các khu rừng đặc dụng Việt Nam đến năm 2010 được xây dựng bởi Cục kiểm lâm - Bộ NN&PTNT (Cục Kiểm lâm, 2003) với diện tích 16.634 ha (Cục Kiểm lâm, 2003), danh lục này hiện vẫn chưa được Chính phủ phê duyệt. Diện tích của VQG trong danh lục này không phản ánh sự thay đổi ranh giới trong thời gian gần đây.

Địa hình và thủy văn

VQG Bến En nằm trên địa bàn hai huyện Như Thanh và Như Xuân, Tỉnh Thanh Hoá. Vườn Quốc Gia Bến En thuộc vùng đồi thấp xung quanh hồ nước nhân tạo. Độ cao dao động từ 20 đến 497 m, hầu hết địa hình dưới 200 m. Hồ ở độ cao 50 m so với mặt nước biển, có diện tích 2.281 ha. Địa chất khu vực đặc trưng bởi đá trầm tích, đặc biệt là đá than bùn. Có một diện tích nhỏ núi đá vôi, vùng có diện tích lớn núi đá vôi thuộc vùng đệm phía Đông Bắc ranh giới vườn. Trong vùng lõi của vườn có hệ thủy lớn là Sông Mực, trong phương án mở rộng vườn sẽ có thêm hệ thủy Sông Chàng (Tordoff *et al.* 2000).

Đa dạng sinh học

Vườn Quốc Gia Bến En có mức độ đa dạng sinh học vào loại trung bình. Vườn quốc gia hiện đang bảo vệ một phần hệ sinh thái vùng rừng thường xanh núi thấp ở Bắc Trung Bộ. Tuy nhiên hệ sinh thái rừng này đã bị tác động mạnh trước đây do khai thác, nên rừng hiện tại là rừng thứ sinh, cây gỗ đường kính nhỏ và phần lớn là tre nứa. Tuy nhiên từ khi ngừng khai thác, chất lượng rừng đã đang được phục hồi (Tordoff *et al.* 2000).

Mặc dù các hệ sinh thái rừng đã và đang bị tác động mạnh nhưng khu hệ động thực vật VQG Bến En vẫn khá đa dạng và phong phú. Tại Bến En ghi nhận số lượng đáng kể các loài thực vật đang bị đe dọa trên toàn cầu, đáng chú ý nhất trong số này là loài Lim xanh *Erythrophleum fordii*, đây là loài đã từng là đối tượng khai thác chính của các lâm trường trước năm 1992, hiện nay Lim xanh vẫn đang đối tượng khai thác với qui mô nhỏ bởi các lâm trường cũng như đang bị các đối tượng lâm tặc khai thác trộm.

Bên cạnh đó, một số loài động vật có giá trị bảo tồn ở mức độ toàn cầu cũng đã được ghi nhận tại VQG như Vượn má trắng *Hylobates leucogenys*, Lửng chóc *Chrotogale owstoni*, Báo lửa *Catopuma temminckii* (Tordoff *et al.* 2000). Tuy nhiên, số lượng cá thể của hầu hết các quần thể thú lớn tại Bến En là rất thấp, đây là hậu quả của tình trạng săn bắn quá mức, một số loài đã bị khai thác cạn kiệt (Tordoff *et al.* 2000).

Trước đây, Voi châu Á *Elephas maximus* được ghi nhận thường xuyên tại VQG, gần đây mặc dù đã có một số báo cáo đề cập đến loài này tại khu vực (Tordoff *et al.* 1997, Ha Dinh Duc ed. 2000) nhưng thực tế vẫn chưa có bất kỳ ghi nhận chính thức về sự hiện diện của loài này trong VQG từ năm 1993 (Tordoff *et al.* 1997). Năm 2000, A. W. Tordoff đã có kết luận loài này có thể không còn tồn tại trong khu vực vùng lõi của VQG và chỉ có khả năng còn một quần thể rất nhỏ phân bố giới hạn trong khu vực vùng đệm ở phía tây của vùng lõi.

Các vấn đề bảo tồn

Khai thác gỗ ở khu vực vườn kéo dài cho đến năm 1992, không có nơi nào rừng chưa bị tác động. Hơn 3.600 người hiện đang sinh sống bên trong VQG và gần 30.000 người sống tại vùng đệm (Ban quản lý VQG Bến En, 2003) tiếp tục là mối đe dọa ảnh hưởng

tới môi trường tự nhiên VQG. Sự khai thác trái phép tài nguyên rừng của người dân ở đây và ở những nơi khác tới vườn đang làm chậm quá trình tái sinh phục hồi rừng. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, tình trạng khai thác gỗ trái phép cũng như các tác động khác của con người vào VQG đã giảm đáng kể (Ban quản lý VQG Bến En, 2003).

Sự tồn tại lâu dài của các loài thú lớn và trung bình ở vườn đang bị đe dọa do diện tích vùng lõi có thể quá nhỏ đối với quần thể của các loài này. Bởi vậy việc đề xuất mở rộng vườn tới ranh giới Tỉnh Nghệ An được chấp nhận là hết sức quan trọng. Rất tiếc là dân cư đã di chuyển tới vùng đề xuất mở rộng, phá rừng làm nương rẫy và trồng mía. Nếu hiện tượng phá rừng không được kiểm soát ngay, sẽ dẫn đến sự cô lập giữa rừng ở vùng lõi với các vùng xung quanh và giảm tầm quan trọng về bảo tồn của vườn quốc gia (Tordoff *et al.* 2000).

Ban quản lý vườn dự định di chuyển 4000 người ra ngoài vùng lõi của vườn. Cho đến nay kế hoạch này vẫn không thực hiện được do không có kinh phí và người dân không ủng hộ. Vì họ hiểu rằng kế hoạch di chuyển tới vùng đệm được thực hiện, trong tương lai sự khai thác sử dụng tài nguyên rừng của họ sẽ bị hạn chế và ít có cơ may quay trở lại (Tordoff *et al.* 2000). Tordoff *et al.* (2000) kiến nghị rằng cần phải có nghiên cứu kỹ trước khi đi đến quyết định di chuyển các cộng đồng trong vùng lõi của vườn. Nếu có thể phải tổ chức di chuyển càng sớm càng tốt. Nếu để họ ở lại phải khuyến khích họ tham gia vào chương trình lâm nghiệp xã hội và các kế hoạch khác nhằm nâng cao thu nhập và giảm sự phụ thuộc vào tài nguyên rừng.

Các giá trị khác

Vườn quốc gia đang bảo vệ rừng đầu nguồn Sông Mực, hồ Sông Mực là nguồn cung cấp nước tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp của toàn bộ các xã vùng hạ lưu. Sau khi xây dựng đập và hình thành hồ, đơn vị thủy sản hình thành để quản lý hồ và thủy sản. Trong các năm từ 1983 đến 1987, sản lượng cá đánh bắt tăng lên từ 14 đến 30 tấn nhưng năm 1989 giảm xuống còn 7 tấn. Năm 1993, đơn vị thủy sản ngừng hoạt động. Người dân địa phương tiếp tục đánh cá ở trên hồ và các hệ thủy liên quan đến hồ, mặc dù các hoạt động này đã vi phạm tới các quy chế quản lý của vườn quốc gia (Tordoff *et al.* 2000). Trong những năm gần đây, với việc tăng cường thể chế trong công tác quản lý, bảo vệ

của VQG, sản lượng cá trong hồ đã tăng đáng kể (Ban quản lý VQG Bến En, 2003)

Hầu hết các hộ gia đình trong vùng lõi và vùng đệm của vườn đã khai thác các sản phẩm của rừng ở các mức độ khác nhau. Nhiều sản phẩm của rừng, như tre nứa, song mây ở khu vực khá phong phú điều đó thể hiện rừng tự nhiên đã bị thay thế. Tuy nhiên, sự khai thác quá mức một số tài nguyên trong những năm trước đây, như gỗ, các loài thú lớn đó là nguyên nhân chính làm chúng trở nên hiếm trong khu vực (Tordoff *et al.* 2000).

Vườn Quốc gia Bến En có tiềm năng du lịch cao, dịch vụ này đã đang hấp dẫn nhiều du khách trong nước. Vườn có phong cảnh đẹp, đường đi lại thuận tiện. Vườn có nhà khách và khách du lịch có thể du ngoạn bằng thuyền trên hồ. Dịch vụ du lịch có tiềm năng mang lại diện mạo mới cho vườn và thu nhập cho công tác quản lý (Tordoff *et al.* 2000).

Các dự án có liên quan

Trong khoảng từ 7 đến tháng 9 năm 1997 và tháng 10 đến tháng 12 năm 1998, Tổ chức khám phá môi trường Việt Nam và Viện Sinh thái và Tài Nguyên Sinh vật (IEBR) đã điều tra Đa dạng sinh học ở vườn quốc gia Bến En (Tordoff *et al.* 1997, 2000).

Từ năm 1998-2000, Hội bảo tồn sinh thái Nhật Bản và Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội đã tiến hành thực hiện dự án bảo tồn động vật hoang dã ở vườn quốc gia Bến En, dự án đã đánh giá các giá trị Đa dạng sinh học và xây dựng chiến lược bảo tồn cho VQG (Hà đình dức 2000).

Năm 1999, Chương trình điều tra Hồ Đông Dương cũng đã được tiến hành bởi các nhà khoa học Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật và Cục Kiểm lâm tại VQG Bến En (Trần Quốc Bảo, 1999).

Đánh giá nhu cầu bảo tồn

Nhu cầu bảo tồn vẫn chưa được tiến hành đánh giá.

Kế hoạch quản lý

Khu vực chưa xây dựng được Kế hoạch quản lý.

Sự phù hợp với các tiêu chí VCF

VQG Bến En phù hợp với các mục đích tài trợ của VCF do đáp ứng được các tiêu chí A, B và C. Tuy nhiên, do sự quản lý tập trung của hệ thống rừng đặc dụng nên khu vực chỉ phù hợp với mục tiêu tài trợ của VCF khi kế hoạch đầu tư và quản lý phải chỉ ra được các ưu tiên trực tiếp cho hoạt động bảo tồn.

Tiêu chí	Sự phù hợp
A _I	NA3 - Vùng đất thấp Bến En
A _{II}	
B _I	Quyết định số 33/CT, ngày 27/01/1992
B _{II}	Vườn Quốc Gia
B _{III}	Thuộc sự quản lý của Bộ NN&PTNT
C _I	Ban quản lý đã thành lập
C _{II}	

Thể hiện các nhu cầu xã hội

Báo cáo thể hiện nhu cầu xã hội chưa được thực hiện.

Tiêu chí	Sự phù hợp
A	
B	
C	
D	

Tài liệu tham khảo

Anon. (1995) "Management feasibility study for expanding Ben En National Park, Nhu Xuan district, Thanh Hoa province". Thanh Hoa: Thanh Hoa Provincial People's Committee. In Vietnamese.

Furey, N. (1998) An appraisal of the forest quality of Ben En National Park, north Vietnam following commercial logging, Vol. I. Treatise submitted to Silsoe College, Cranfield University.

Furey, N. (1998) An appraisal of the forest quality of Ben En National Park, north Vietnam following commercial logging, Vol. II. Treatise submitted to Silsoe College, Cranfield University.

Ha Dinh Duc ed. (2000) For the sustainable management of protected areas in Vietnam: case study of Ben En National Park at Thanh Hoa province. Hanoi: Hanoi Science University and Ecosystem Conservation Society of Japan.

Ha Dinh Duc ed. (2000) "For the sustainable management of protected areas in Vietnam, case study of Ben En National Park at Thanh Hoa province". Hanoi: Hanoi Science University and Ecosystem Conservation Society of Japan. In Vietnamese.

Le Duc Giang (1995) Ben En National Park: natural resources, potential of scientific research and tourism development. Pp 84-89, 233-238 in Vietnam Forest Science Technology Association. Proceedings of the national conference on national parks and protected areas of Vietnam. Hanoi: Agricultural Publishing House. In English and Vietnamese.

Le Vu Khoi (1996) "Studies on the biodiversity of a typical ecosystem: the ecosystem of Ben En National Park, Nhu Xuan district, Thanh Hoa province". Hanoi: Hanoi National University. In Vietnamese.

Le Vu Khoi (1999) "Diversity of terrestrial vertebrates in Ben En National Park". Pp 55-57 in: Nguyen Thai Tu ed. "Selected reports on the biodiversity of the northern Truong Son range" Hanoi: Hanoi National University Press. In Vietnamese.

Nguyen Kiem Son (1998) Fish fauna in National Park Ben En (Thanh Hoa). Unpublished report to the Institute of Ecology and Biological Resources.

Nguyen Nghia Thinh (1998) "Ben En National Park (Thanh Hoa province)". Sinh Hoc Ngay Nay "Biology Today" 4(3): 41-43. In Vietnamese.

Nguyen Van Sang and Hoang Xuan Quang (2000) The fauna of amphibian and reptile of Ben En National Park (Thanh Hoa province). Tap Chi Sinh Hoc "Journal of Biology" 22(15)CD: 15-23. In Vietnamese.

Nguyen Van Sang and Nguyen Quang Truong (2000) "Amphibian and reptile fauna in Ben En National Park". Thông Tin Chuyên Đề Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn "Specific Information on Agriculture and Rural Development" 5: 23-24. In Vietnamese.

Pham Van Dau (1999) Ben En National Park. Vietnam Cultural Window 16: 23.

Tordoff, A., Fanning, E. and Grindley, M. (2000) Ben En National Park: biodiversity survey 1998. London: Society for Environmental Exploration.

Tordoff, A., Siurua, H. and Sobey, R. (1997) Ben En National Park: biodiversity survey 1997. London: Society for Environmental Exploration.

Tordoff, A., Siurua, H. and Sobey, R. (1997) "Ben En National Park: biodiversity survey 1997". London: Society for Environmental Exploration. In Vietnamese.

Uemura, Y. and Monastyrskii, A. L. (2000) Description of two species of the genus *Ypthima* Hubner (Lepidoptera: Satyridae) from north and central Vietnam. Trans. Lepid. Soc. Japan 51(2): 150-156.

Trần Quốc Bảo (1999). Báo cáo kết quả điều tra Hồ *Panthera tigris corbetti* tại Vườn Quốc gia Bến En (Tài liệu của Cục Kiểm Lâm trình US Fish & Wildlife)

